

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (8,0 điểm)			
I <i>(2,0 đ)</i>	1	Trình bày những biểu hiện suy giảm và các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta	1,00
		<i>a) Những biểu hiện suy giảm</i> Suy giảm về số lượng loài, các kiểu hệ sinh thái và nguồn gen quý hiếm.	0,25
		<i>b) Biện pháp bảo vệ</i> - Xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên.	0,25
		- Ban hành Sách đỏ Việt Nam nhằm bảo vệ nguồn gen động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng.	0,25
		- Quy định việc khai thác để đảm bảo sử dụng lâu dài các nguồn lợi sinh vật của đất nước.	0,25
	2	Chứng minh dân số nước ta còn tăng nhanh. Điều đó gây khó khăn như thế nào cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ?	1,00
<i>a) Chứng minh dân số nước ta còn tăng nhanh</i> - Tốc độ gia tăng dân số tự nhiên ở mức cao, tuy đã giảm trong những năm gần đây nhưng vẫn còn chậm (<i>dẫn chứng</i>).		0,25	
- Do quy mô dân số đông nên mỗi năm dân số nước ta vẫn tăng thêm trung bình hơn 1 triệu người.		0,25	
<i>b) Khó khăn</i> - Làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, hạn chế khả năng tích lũy để tái sản xuất mở rộng...		0,25	
- Tạo ra sức ép rất lớn đối với vấn đề việc làm, giáo dục, y tế, chất lượng cuộc sống...		0,25	
II <i>(3,0 đ)</i>	1	Trình bày cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta. Tại sao cần phải phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm ?	1,50
		<i>a) Cơ cấu công nghiệp theo ngành</i> - Được thể hiện ở tỉ trọng giá trị sản xuất của từng ngành (nhóm ngành) trong toàn bộ hệ thống các ngành công nghiệp.	0,25
		- Tương đối đa dạng (3 nhóm ngành gồm 29 ngành công nghiệp).	0,25

		<ul style="list-style-type: none"> - Đang nổi lên một số ngành công nghiệp trọng điểm (năng lượng, chế biến lương thực - thực phẩm, dệt - may...). - Có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến; giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác và sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước. 	0,25																									
		<p><i>b) Lí do phải phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác có hiệu quả các thế mạnh (tự nhiên, kinh tế - xã hội). - Thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển và mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội, môi trường. 	0,25 0,25																									
	2	Phân tích thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long. Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở đây là gì? Tại sao?	1,50																									
		<p><i>a) Các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích rộng lớn với nhiều loại đất (đặc biệt là dải đất phù sa ngọt dọc sông Tiền, sông Hậu) thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. - Khí hậu mang tính chất cận xích đạo; mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt tạo điều kiện để phát triển nông nghiệp, giao thông... - Tài nguyên sinh vật phong phú, nhất là rừng (rừng ngập mặn, rừng tràm) và cá, chim. - Các thế mạnh khác: nguồn lợi hải sản, khoáng sản (than bùn, đá vôi, dầu khí)... <p><i>b) Nêu vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc sử dụng hợp lí, cải tạo tự nhiên và giải thích</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề quan trọng hàng đầu ở đây là thủy lợi, đặc biệt là nước ngọt vào mùa khô. - Nguyên nhân chủ yếu là cần phải có nước ngọt để thau chua, rửa mặn do đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn. 	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25																									
III (3,0 đ)	1	Vẽ biểu đồ	2,00																									
		<p><i>* Yêu cầu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn dạng biểu đồ miền và vẽ chính xác. - Đảm bảo khoảng cách năm. - Có tên biểu đồ và chú giải. <p><i>a) Xử lí số liệu</i></p> <p>Cơ cấu khối lượng vận chuyển phân theo loại hàng hóa (%)</p> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="text-align: left;">Loại hàng \ Năm</th> <th>2000</th> <th>2003</th> <th>2005</th> <th>2007</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tổng số</td> <td>100,0</td> <td>100,0</td> <td>100,0</td> <td>100,0</td> </tr> <tr> <td>- Hàng xuất khẩu</td> <td>24,9</td> <td>20,9</td> <td>25,9</td> <td>25,2</td> </tr> <tr> <td>- Hàng nhập khẩu</td> <td>42,4</td> <td>39,9</td> <td>38,8</td> <td>38,6</td> </tr> <tr> <td>- Hàng nội địa</td> <td>32,7</td> <td>39,2</td> <td>35,3</td> <td>36,2</td> </tr> </tbody> </table>	Loại hàng \ Năm	2000	2003	2005	2007	Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	- Hàng xuất khẩu	24,9	20,9	25,9	25,2	- Hàng nhập khẩu	42,4	39,9	38,8	38,6	- Hàng nội địa	32,7	39,2	35,3	36,2	0,50
Loại hàng \ Năm	2000	2003	2005	2007																								
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0																								
- Hàng xuất khẩu	24,9	20,9	25,9	25,2																								
- Hàng nhập khẩu	42,4	39,9	38,8	38,6																								
- Hàng nội địa	32,7	39,2	35,3	36,2																								

	<p>b) <i>Vẽ biểu đồ</i></p> <p style="text-align: center;">CƠ CẤU KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN PHÂN THEO LOẠI HÀNG HÓA</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Hàng xuất khẩu (%)</th> <th>Hàng nhập khẩu (%)</th> <th>Hàng nội địa (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2000</td> <td>24,9</td> <td>42,4</td> <td>32,7</td> </tr> <tr> <td>2003</td> <td>20,9</td> <td>39,9</td> <td>39,2</td> </tr> <tr> <td>2005</td> <td>25,9</td> <td>38,8</td> <td>35,3</td> </tr> <tr> <td>2007</td> <td>25,2</td> <td>38,6</td> <td>36,2</td> </tr> </tbody> </table> <p> Hàng xuất khẩu Hàng nhập khẩu Hàng nội địa </p>	Năm	Hàng xuất khẩu (%)	Hàng nhập khẩu (%)	Hàng nội địa (%)	2000	24,9	42,4	32,7	2003	20,9	39,9	39,2	2005	25,9	38,8	35,3	2007	25,2	38,6	36,2	1,50
Năm	Hàng xuất khẩu (%)	Hàng nhập khẩu (%)	Hàng nội địa (%)																			
2000	24,9	42,4	32,7																			
2003	20,9	39,9	39,2																			
2005	25,9	38,8	35,3																			
2007	25,2	38,6	36,2																			
2	<p>Nhận xét và giải thích</p> <p>a) <i>Nhận xét</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu khối lượng vận chuyển phân theo loại hàng hoá có sự thay đổi, nhưng không lớn. 0,25 - Sự thay đổi diễn ra theo hướng tăng tỉ trọng hàng nội địa và hàng xuất khẩu; giảm tỉ trọng hàng nhập khẩu (<i>dẫn chứng</i>). 0,25 <p>b) <i>Giải thích</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Do sản xuất trong nước phát triển và chính sách đẩy mạnh xuất khẩu nên tỉ trọng hàng nội địa và hàng xuất khẩu tăng. 0,25 - Tuy vẫn chiếm tỉ trọng lớn nhất nhưng do khối lượng hàng nhập khẩu tăng chậm hơn so với hai loại hàng trên nên tỉ trọng giảm. 0,25 	1,00																				
II. PHẦN RIÊNG (2,0 điểm)																						
IV.a (2,0 đ)	<p>Theo chương trình Chuẩn (2,0 điểm)</p> <p>Trình bày những thay đổi trong việc tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở nước ta. Tại sao Đông Nam Bộ trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất trong cả nước ? 2,00</p> <p>a) <i>Những thay đổi trong việc tổ chức lãnh thổ nông nghiệp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường chuyên môn hoá sản xuất, phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn. 0,25 - Đẩy mạnh đa dạng hoá nông nghiệp, đa dạng hoá kinh tế nông thôn. 0,25 - Kinh tế trang trại có bước phát triển mới. 0,25 - Kinh tế trang trại thúc đẩy sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá. 0,25 <p>b) <i>Giải thích Đông Nam Bộ trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất trong cả nước</i></p>																					

	<ul style="list-style-type: none"> - Thuận lợi về tự nhiên: <ul style="list-style-type: none"> + Địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai màu mỡ (nhất là đất badan) thích hợp cho việc phát triển cây công nghiệp trên quy mô lớn. + Khí hậu cận xích đạo, nguồn nước phong phú thuận lợi để phát triển các cây công nghiệp. - Thuận lợi về kinh tế - xã hội: <ul style="list-style-type: none"> + Nguồn lao động dồi dào, có trình độ và kinh nghiệm sản xuất, năng động trong cơ chế thị trường... + Cơ sở vật chất - kĩ thuật khá hoàn thiện, chính sách khuyến khích phát triển cây công nghiệp, thị trường, vốn đầu tư... 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
IV.b	Theo chương trình Nâng cao (2,0 điểm)	
(2,0 đ)	So sánh chuyên môn hoá sản xuất nông nghiệp giữa Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Tại sao giữa hai vùng lại có sự khác nhau về chuyên môn hoá ?	2,00
	<p><i>a) So sánh chuyên môn hoá sản xuất nông nghiệp giữa Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống nhau: <ul style="list-style-type: none"> + Lúa chất lượng cao, cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày. + Gia súc, gia cầm và thủy sản. - Khác nhau: <ul style="list-style-type: none"> + Đồng bằng sông Hồng còn trồng cây vụ đông, chăn nuôi bò sữa. + Đồng bằng sông Cửu Long phát triển mạnh chăn nuôi vịt, thủy sản (tôm, cá tra, cá ba sa...). 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p><i>b) Giải thích sự khác nhau về chuyên môn hoá giữa hai vùng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng bằng sông Hồng: <ul style="list-style-type: none"> + Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với một mùa đông lạnh tạo điều kiện phát triển cây vụ đông. + Nhu cầu lớn về thực phẩm (trong đó có sữa) của các đô thị (Hà Nội, Hải Phòng...). - Đồng bằng sông Cửu Long: <ul style="list-style-type: none"> + Nguồn thức ăn phong phú cho chăn nuôi gia cầm, nhất là vịt (nuôi vịt chạy đồng). + Có nhiều diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản trên quy mô lớn. 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II + III + IV.a (hoặc IV.b) = 10,00 điểm		

----- Hết -----